TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2024/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 13 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1980. Địa chỉ: số nhà A K, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Nguyên S1, sinh năm 1983. Địa chỉ: số nhà A K, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Nguyên S1 đều thừa nhận vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X. Sau một thời gian sống chung và có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Nguyên A, sinh năm 2008 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã quyết định ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 293/2015/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2015. Sau khi ly hôn, vợ chồng quyết định tái hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai vào ngày 03/6/2016. Sau thời gian sống chung, vợ chồng có thêm 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 11/01/2020. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vả, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ hơn 01 năm nay. Hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn

Thị Ngọc S và anh Nguyễn Nguyên S1 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 11/01/2020. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Nguyên S1 thỏa thuận thống nhất: Giao cháu Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 11/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị Ngọc S không yêu cầu anh Nguyễn Nguyên S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Nguyên S1 tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Nguyên S1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 11/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Nguyên S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Nguyên S1 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Nguyễn Thị Ngọc S, anh Nguyễn Nguyên S1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Nguyên S1 tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà chị S và anh S1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004979 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị S và anh S1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tp. Long Khánh;
- THA dân sự tp. Long Khánh.;
- UBND phường Xuân An (Số 51/2016);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đồng Thị Hương